

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**
Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 4- 2022
*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dư Quang Tài** và bà **Võ Thị Hoa Hằng**

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:
Ông Lê Duy Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; địa chỉ: 439 LD, khu phố B, phường Đ, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Văn A**, sinh năm 1976; địa chỉ: 439 LD, khu phố B, phường Đ, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn A đăng ký kết hôn ngày 29/8/2011 tại UBND phường Đ, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh A thường xuyên uống rượu về gây gỗ vợ con. Chị H và gia đình khuyên anh Abỏ rượu nhưng anh A không nghe mà ngày càng uống rượu nhiều hơn, gây bạo lực tinh thần đối với chị H và các con. Vì lo sợ nên chị H đưa các con về nhà người quen của nhà chồng ở nhờ một thời gian đến cuối năm 2021 thì chuyển về sống ở nhà bố mẹ chị H. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn A.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Lê Văn Minh Ch, sinh ngày 27/3/2012 và Lê Thị Minh Ch, sinh ngày 05/3/2014.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, chị H yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Minh Ch 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm các Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn A.

+ Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lê Văn Minh Ch, sinh ngày 27/3/2012 và Lê Thị Minh Ch, sinh ngày 05/3/2014. Buộc Anh Lê Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Văn A phải 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn A.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H trình bày quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể khắc phục được.

Theo xác minh tại địa phương, trong thời gian chung sống vợ chồng chị H, anh A có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A hay uống rượu về gây gổ vợ con nên

chị H đã bỏ đi nơi khác sống, hiện vợ chồng không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh A không có ý kiến phản hồi, không đến Tòa án làm việc điều đó thể hiện ý thức anh A đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của mình.

Thấy rằng vợ chồng chị H, anh A không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị H: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh A.

- Về con chung: Hiện tại hai con chung của chị Hiền, anh Ánh là cháu Lê Văn Minh Ch, sinh ngày 27/3/2012 và Lê Thị Minh Ch, sinh ngày 05/3/2014 đang ở với chị H, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh A không có mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, thể hiện không quan tâm đến con và quyền được nuôi con của mình, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị H, giao hai cháu Lê Văn Minh Ch và Lê Thị Minh Ch cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo xác minh, anh A làm nghề lái xe thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, buộc anh Ánh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi các cháu Lê Văn Minh Ch và Lê Thị Minh Ch đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Hiền phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bị đơn anh Ánh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Lê Văn A**.

- Về con chung: Xử giao hai cháu **Lê Văn Minh Ch**, sinh ngày 27/3/2012 và **Lê Thị Minh Ch**, sinh ngày 05/3/2014 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng/hai cháu. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Anh Lê Văn A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh A thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000067 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND P. Đông Lễ, TP Đông Hà;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tổ HC -TP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến

